

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

Về việc: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG.**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Bình**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Phước Lộc.**

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đặng H**, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 6..., đường PVT, quận G V, Thành phố H (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lương Văn L**, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 8..., đường SVH, phường .., Quận ..., Thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phan Bá B**, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 8, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Tăng Ngọc L**, sinh năm 1953 (vợ ông Hiến cùng địa chỉ) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Liên: Ông **Lương Văn L**, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 8..., đường SVH, phường ..., Quận ..., Thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2022 (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Hiến trình bày:

Ngày 20/6/2018, ông Phan Bá B có mượn của tôi số tiền 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Việc cho vay hai bên có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khánh, nhưng đến hạn ông B không trả vốn gốc. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Bá B phải trả số tiền nợ gốc là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng) và lãi suất là 01%/tháng tính từ ngày 01/4/2021.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi đối với yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/4/2021 trên số tiền gốc chưa trả.

- Bị đơn ông Phan Bá B: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên không có lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Ngọc L là vợ của ông Nguyễn Đăng H trình bày: Bà L thống nhất với yêu cầu của ông H.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tính từ ngày thụ lý đến khi xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm chung.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H đối với bị đơn ông Phan Bá B. Buộc ông B có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay gốc là 5.500.000.000 đồng và lãi suất là 727.254.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 6.227.254.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 5.500.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn cư trú tại thành phố Phú Quốc nên theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn ông Nguyễn Đặng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Ngọc L ủy quyền cho ông Lương Văn L. Bị đơn ông Phan Bá B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc uỷ quyền của các đương sự và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với bà Đoàn Thị Khánh Tr quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đưa bà Tr vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì xác định bà Tr là vợ ông B. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2022 bà Tr khai rằng giữa bà với ông B đã ly hôn và cung cấp cho Tòa án Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2013/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang. Xét thấy ông B vay tiền của ông H sau khi ông B và bà Tr đã ly hôn, đồng thời ông H cũng không yêu cầu bà Tr liên đới trả nợ cùng ông B nên Tòa án không đưa bà Tr vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**[3] Về nội dung vụ án:** Ngày 20/6/2018, vợ chồng ông Nguyễn Đặng H và bà Tăng Ngọc L có cho ông Phan Bá B mượn số tiền 5.500.000.000 đồng. Ngày 17/9/2020, ông H và bà L với ông B đến Văn phòng công chứng Nguyễn Khánh lập hợp đồng vay tiền số công chứng: 05585/HĐVT; Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung bên A (ông H) đồng ý cho bên B (ông B) vay số tiền là 5.500.000.000 đồng, giao đúng và đủ số tiền cho bên vay theo thỏa thuận, không tính lãi suất, thời hạn vay tiền kể từ ngày 17/9/2020 đến ngày 31/3/2021, bên vay cam kết sử dụng đúng mục đích số tiền vay và thời hạn theo thỏa thuận. Đến hạn ngày 31/3/2021 sẽ trả gốc. Tuy nhiên đến hạn ông H đòi nhiều lần nhưng ông B không trả nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà L đã cung cấp cho Tòa án bản chính hợp đồng vay tiền có công chứng và giấy ủy nhiệm chi (ông Bắc đã nhận tiền) có chữ ký của ông B.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thấy rằng: Việc vợ chồng ông H và bà L giao dịch dân sự với ông B bằng việc cho vay là có thật. Khi giao dịch hai bên đã thể hiện bằng văn bản có công chứng. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông B cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp chứng cứ gì về việc đã trả nợ cho ông H và bà L hay chưa. Vì vậy, ông H và bà L yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ trả nợ gốc là 5.500.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/4/2021 là có căn cứ chấp nhận.

**[4] Về lãi suất:** Trong hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận về mức lãi suất; Ông B vắng mặt nên cần xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương đương  $20\%/năm \times 50\% = 10\%/năm$ ;  $12\text{ tháng} = 0,83\%/tháng$ . Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu tính lãi suất là 0.83%/ tháng là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi được tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/7/2022 là 15 tháng 28 ngày  $\times 5.500.000.000\text{ đồng} \times 0,83\%/tháng = 727.254.000\text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi ông B phải trả cho vợ chồng ông H là 6.227.254.000 đồng (trong đó, tiền gốc 5.500.000.000 đồng và tiền lãi 727.254.000 đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L. Buộc ông B phải có nghĩa vụ trả cho ông H và bà L tổng số tiền gốc và lãi là 6.227.254.000 đồng.

**[5] Về án phí:** Ông Phan Bá B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc phải trả là 6.227.254.000 đồng được tính cụ thể như sau:  $112.000.000\text{ đồng} + (0,1\% \times 2.227.254.000\text{ đồng}) = 114.227.254\text{ đồng}$ . Ông Nguyễn Đăng H yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí (ông H là người cao tuổi nên không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả).

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng H đối với ông Phan Bá B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phan Bá B phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đăng H số tiền vay gốc là 5.500.000.000 đồng và lãi suất là 727.254.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 6.227.254.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phan Bá B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.227.254 đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng). Ông Nguyễn Đăng H không phải chịu án phí.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSNDTP Phú Quốc;
- CC.THADS TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**Hồ Văn Bình**